Bộ Giáo dục và Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Ban hành theo quyết định số: 355 /QĐ_ĐT ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Hiệu trưởng)

Hệ Đào Tạo Đại học chính quy (Tín chỉ) (BA)
Ngành Đào Tạo Phát triển nông thôn và khuyến nông (PT)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Tối Thiểu Của Tất Cả Các Môn Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy Tối Thiểu 2.00

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	Năm	HK
Môn Học Theo Chương Trình							
1	NN	Chuẩn đầu ra B1	0.0				
2	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5.0	75.0		1	1
3	202114	Toán cao cấp C1	3.0	45.0		1	1
4	202115	Toán cao cấp C2	3.0	45.0		1	1
5	202501	Giáo dục thể chất 1*	1.0		45.0	1	1
6	202622	Pháp luật đại cương	2.0	30.0		1	1
7	213601	Anh văn 1	5.0	75.0		1	1
8	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3.0	45.0		1	2
9	200202	Quân sự (thực hành)*	3.0		90.0	1	2
10	202121	Xác suất thống kê	3.0	45.0		1	2
11	202502	Giáo dục thể chất 2*	1.0		45.0	1	2
12	208102	Địa lý kinh tế	2.0	30.0		1	2
13	213602	Anh văn 2	5.0	75.0		1	2
14	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3.0	45.0		2	1
15	208109	Kinh tế vi mô 1	3.0	45.0		2	1
16	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3.0	45.0		2	1
17	208211	Kinh tế lượng căn bản	3.0	30.0	30.0	2	1
18	208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3.0	45.0		2	1
19	208514	Luật và phát triển nông thôn	2.0	30.0		2	1
20	212110	Khoa học môi trường	2.0	30.0		2	1
21	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	30.0		2	2
22	208502	Xã hội học nông thôn	3.0	45.0		2	2
23	208503	Giáo dục khuyến nông	2.0	30.0		2	2
24	208115	Kinh tế quốc tế	3.0	45.0		3	1
25	208310	Tín dụng nông thôn	3.0	30.0	30.0	3	1
26	208508	Phân tích chính sách NN	3.0	45.0		3	1
27	208526	Lý thuyết phát triển	3.0	30.0	30.0	3	1
28	208527	Kiến tập kỹ thuật	2.0			3	1
29	208403	Phương pháp NCKH	2.0	30.0		3	2
30	208520	Truyền thông khuyến nông	2.0	30.0		3	2
31	208521	Phát triển cộng đồng	3.0	30.0	30.0	3	2
32	208523	Quy hoạch PTNT	3.0	30.0	30.0	3	2
33	208430	Nghiên cứu thị trường	2.0	30.0		4	1
34	208501	Dự án phát triển	3.0	30.0	30.0	4	1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	Năm	HK
35	208505	Phát triển du lịch nông thôn	2.0	30.0		4	1
36	208529	Kiến tập chuyên ngành	2.0			4	1
Cộng Nhóm:			95.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 01 - Phải Đạt 10 TC							
1	202620	Kỹ năng giao tiếp	2.0	30.0		2	2
2	203608	Nông học đại cương	2.0	30.0		2	2
3	203703	Chăn nuôi đại cương	2.0	30.0		2	2
4	205101	Bảo vệ môi trường	2.0	30.0		2	2
5	205108	Lâm nghiệp đại cương	2.0	30.0		2	2
6	206109	Thuỷ sản đại cương	2.0	30.0		2	2
7	209509	Phong thủy ứng dụng	3.0	30.0	30.0	2	2
Cộng Nhóm:			15.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 02 - Phải Đạt 16 TC							
1	208416	Quản trị học	2.0	30.0		2	2
2	204502	Hệ thống canh tác	2.0	30.0		3	1
3	205221	Kinh tế tài nguyên môi trường	3.0	45.0		3	1
4	208120	Kinh tế vĩ mô 2	2.0	30.0		3	2
5	208122	Kinh tế vi mô 2	2.0	30.0		3	2
6	208128	Kinh tế nguồn nhân lực	3.0	45.0		3	2
7	208602	Phân tích lợi ích chi phí	3.0	30.0	30.0	3	2
8	208223	Kinh tế lượng ứng dụng	2.0	30.0		4	1
9	208414	Quản trị trang trại	2.0	30.0		4	1
10	208504	Quản trị dự án lâm nghiệp	2.0	30.0		4	1
Cộng Nhóm:			23.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 03 - Phải Đạt 10 TC							
1	208533	Tiểu luận tốt nghiệp	4.0	60.0			
2	208534	Phân tích chính sách NN 2	2.0	30.0			
3	208535	Xây dựng mô hình khuyến nông	2.0	30.0			
4	208536	Phát triển nông thôn ứng dụng	2.0	30.0			
5	208537	XD đề cương nghiên cứu PTNT	2.0	30.0			
6	208538	Phát triển CĐ nông thôn 2	2.0	30.0			
7	208902	Khóa luận tốt nghiệp	10.0				
Cộng Nhóm:			24.0				

Tổng tín chỉ bắt buộc: 95

Tổng tín chỉ các nhóm bắt buộc tự chọn: 36

(*) Môn điều kiện, khi hoàn thành sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ.

(**) Môn điều kiện, sinh viên có thể đăng ký học hoặc không. Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo Quyết định số 163/QĐ-ĐT-ĐNHL ngày 14/02/2011 của Hiệu trưởng ĐHNLTPHCM

Hiệu trưởng

TS. Trịnh Trường Giang

Trưởng phòng Đào tạo

Th.s Trần Thanh Phong

Trưởng khoa/bộ môn

TS.Đặng Minh Phương